KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày 31/12/2024	31,500 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	6.1%	-1.4%	11.2%

DT thuần — 2024: 120 tỷ VNĐ — YoY ▲ 9.00 ▲ 8.2%

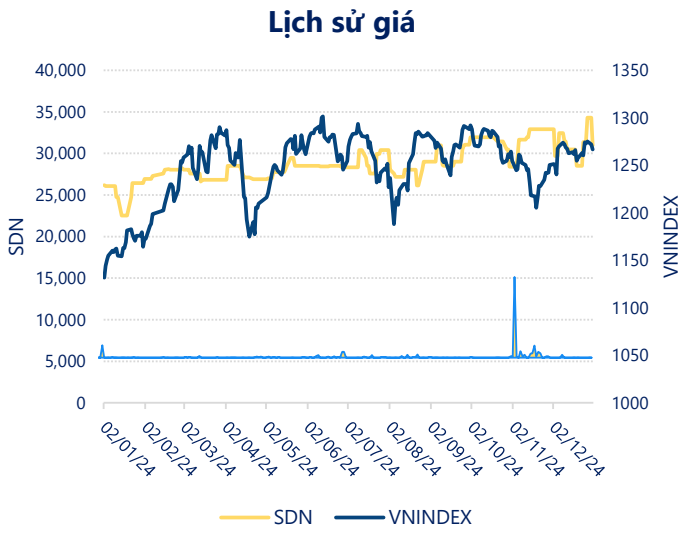
LN gộp — 2024: 34.9 tỷ VNĐ — YoY ▲ 4.40 ▲ 14.4%

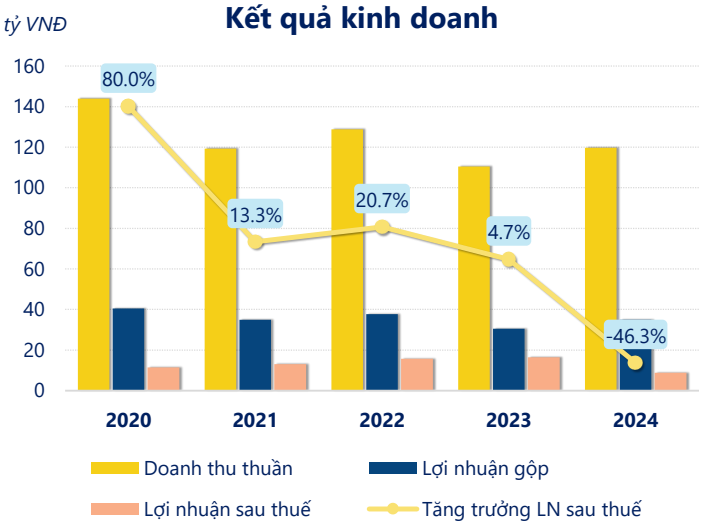
LN thuần — 2024: 7.71 tỷ VNĐ — YoY ▼ 9.69 ▼ 55.5%

LN sau thuế — 2024: 8.85 tỷ VNĐ — YoY ▼ 7.65 ▼ 46.3%

ROE — 2024: 13.5% — +/- YoY ▼ 13.8%

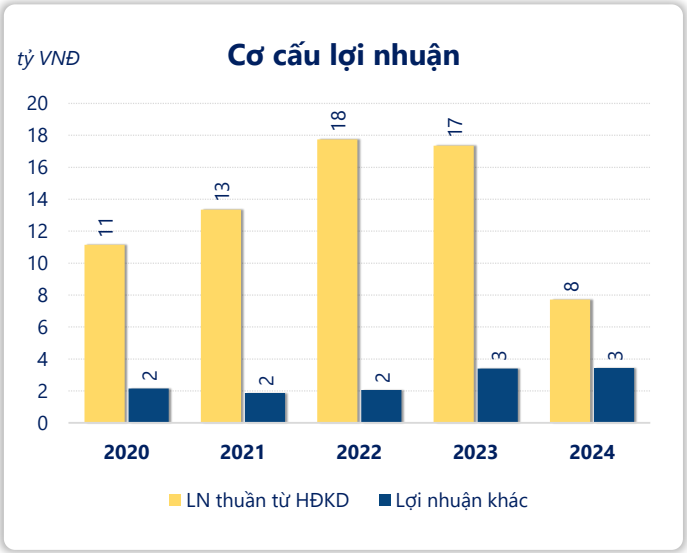
ROA — 2024: 8.3% — +/- YoY ▼ 7.4%

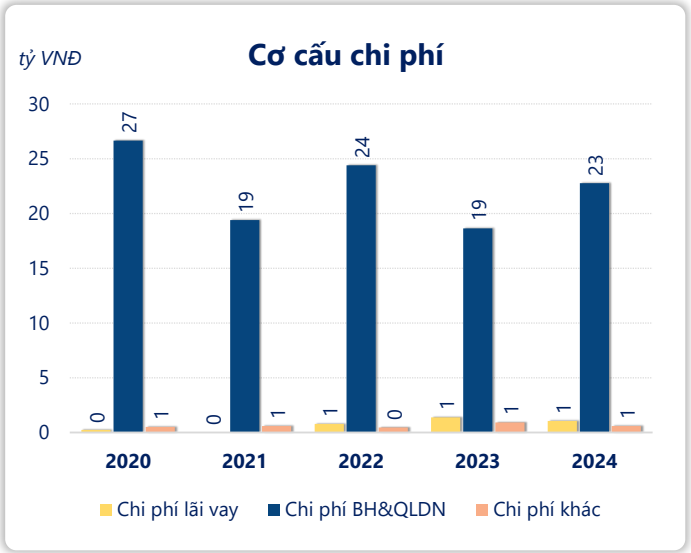




Kết quả kinh doanh **SDN** năm **2024**, doanh thu thuần đạt **119.6** tỷ đồng **tăng 8.24%**, lợi nhuận sau thuế **giảm mạnh 46.3%** chỉ còn **8.85** tỷ đồng.

Mặc dù doanh thu thuần tăng nhưng lợi nhuận sau thuế giảm, có thể do sự gia tăng của chi phí hoạt động hoặc giá vốn. Tuy nhiên, với **ROE** là **13.5%** thì công ty vẫn có mức sinh lợi ổn định và đảm bảo hiệu quả hoạt động.

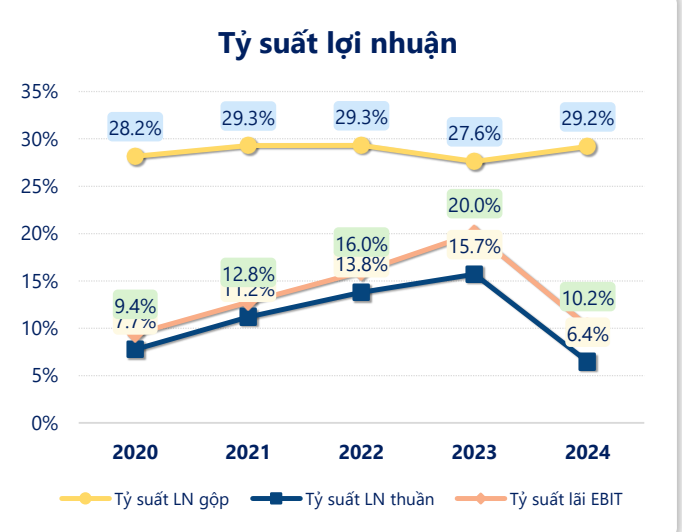


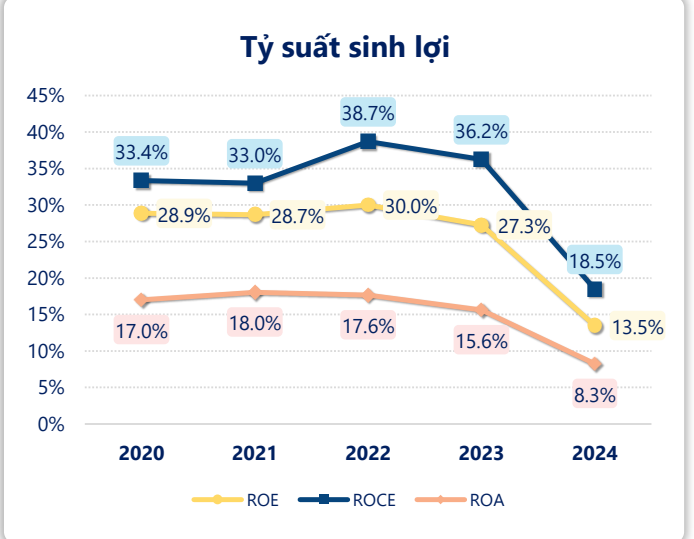


Năm **2024**, **SDN** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **7.71** tỷ đồng, **giảm đi 9.64** tỷ so với năm trước. Và thấp hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (13.46 tỷ đồng) là 5.75 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng không tích cực từ hoạt động kinh doanh, cần điều chỉnh chiến lược để hoạt động kinh doanh phục hồi.

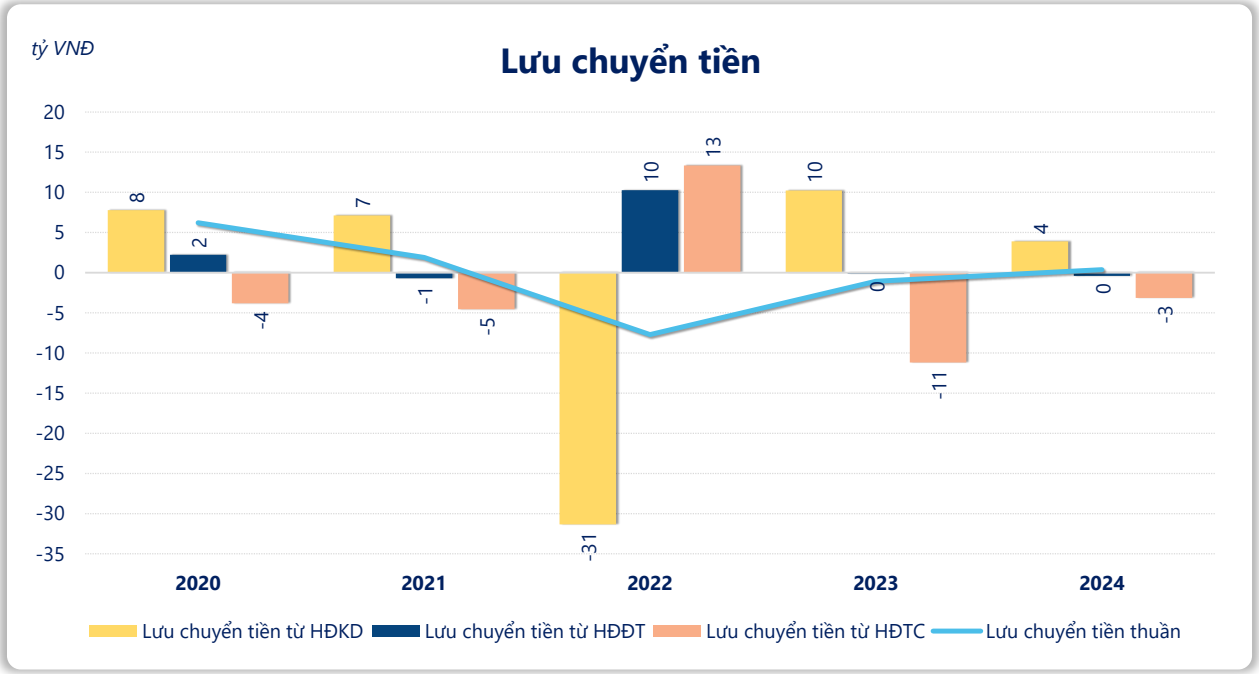
Chi phí lãi vay giảm xuống so với năm trước, còn **1.05** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng lên**, ở mức **22.77** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **0.58** tỷ đồng, **giảm xuống** so với năm trước.

ROE của SDN năm 2024 **giảm** so với năm trước còn **13.5%**, đây là mức ROE **thấp nhất** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**144**	**119**	**129**	**111**	**120**
Giá vốn hàng bán	103	84.3	91.0	80.0	84.7
Lợi nhuận gộp	**40.5**	**34.9**	**37.7**	**30.5**	**34.9**
Doanh thu HĐTC	0.83	0.60	8.59	10.2	0.03
Chi phí TC	3.54	2.79	4.19	4.79	4.47
Chi phí lãi vay	**0.23**	**0**	**0.77**	**1.39**	**1.05**
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	14.3	6.85	11.4	6.73	8.46
Chi phí QLDN	12.3	12.5	13.0	11.9	14.3
LN thuần từ HĐKD	**11.1**	**13.3**	**17.8**	**17.4**	**7.71**
Lợi nhuận khác	2.15	1.87	2.05	3.40	3.44
LN trước thuế	**13.3**	**15.2**	**19.8**	**20.7**	**11.2**
Lợi nhuận sau thuế	**11.5**	**13.0**	**15.7**	**16.5**	**8.85**
LNST của CĐ cty mẹ	**11.5**	**13.0**	**15.7**	**16.5**	**8.85**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của SDN bằng **0.38** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2023 (-1.05 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **3.89** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-0.39** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-3.13** tỷ đồng.